

- Ông Đỗ Đình Soạn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHÒNG CÔNG NGHIỆP &
HUYỆN SƠN TINH

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số

Người thẩm định

Ngày tháng N

DỰ ÁN

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN HƯỚNG NẠC

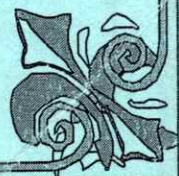
Chủ trang trại: **ĐỖ ĐÌNH SOẠN**

Địa điểm xây dựng: Thôn Thọ Lộc Đông, xã Tịnh Hà,
huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại: 0166 5494 398



Sơn Tịnh, ngày 01 tháng 10 năm 2013



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ ÁN

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN HƯỚNG NẠC

PHÒNG NÔNG NGHIỆP & PTNT
HUYỆN SƠN TINH

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số 01/BCĐ-BN-KPNT
Người thẩm định *Huỳnh Ngọc Tuấn*
Ngày 14 tháng 02 năm 2014

Chủ trang trại: **ĐỖ ĐÌNH SOẠN**
Địa điểm xây dựng: Thôn Thọ Lộc Đông, xã Tịnh Hà,
huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi
Điện thoại: 0166 5494 398

Sơn Tịnh, ngày 01 tháng 10 năm 2013

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TỊNH**

Số 164.../UBND-NN

Về việc cho chủ trương đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi lợn hướng nạc tại xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sơn Tịnh, ngày 23 tháng 01 năm 2014

Kính gửi:

- Các Phòng: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường huyện;
- Ủy ban nhân dân xã Tịnh Hà;
- Ông Đỗ Đình Soạn, ở thôn Thọ Lộc Đông, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh.

Qua xem xét Đơn xin xây dựng trang trại chăn nuôi lợn hướng nạc đề ngày 01/10/2013 của ông Đỗ Đình Soạn, ở thôn Thọ Lộc Đông, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh; đề nghị của UBND xã Tịnh Hà tại Tờ trình số 144/TTr-UBND ngày 12/11/2013 về việc cho chủ trương xây dựng trang trại chăn nuôi lợn hướng nạc và đề xuất của Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện tại Phiếu đề xuất số 04/PĐX-NN&PTNT ngày 10/01/2014; Chủ tịch UBND huyện Sơn Tịnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất cho chủ trương đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi lợn hướng nạc tại xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, với các nội dung cụ thể như sau:

- Chủ đầu tư: Ông Đỗ Đình Soạn, sinh ngày 02/4/1954; thường trú tại thôn Thọ Lộc Đông, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Địa điểm đầu tư xây dựng: Đội 9, thôn Thọ Lộc Đông, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 1.690 m², thuộc các thửa đất số 588, 589, 590, tờ bản đồ số 23 xã Tịnh Hà.

- Quy mô đầu tư: Xây dựng chuồng trại, nhà bảo vệ kết hợp nơi nghỉ ngơi cho người lao động, nhà kho và bể chứa thức ăn; trồng cây làm thức ăn cho lợn.

- Mục tiêu đầu tư: Tạo mô hình chăn nuôi có hiệu quả kinh tế, thúc đẩy phát triển chăn nuôi ở địa phương, tạo điều kiện cho việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, giải quyết việc làm cho lao động ở nông thôn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

- Tổng mức đầu tư: Khoảng 1,35 tỷ đồng (Một phẩy ba lăm tỷ đồng).

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có của chủ đầu tư và vốn vay.

- Thời gian thực hiện: Quý II năm 2014.

2. Chủ đầu tư (ông Đỗ Đình Soạn) có trách nhiệm lập đầy đủ các hồ sơ, thủ tục có liên quan theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước trình cấp có thẩm quyền xem xét thẩm định, phê duyệt.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TỊNH HÀ**

Số: 117/TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tĩnh Hà, ngày 15 tháng 10 năm 2013

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Sơn Tịnh

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng trang trại
chăn nuôi heo hướng nạc

UBND xã Tịnh Hà có nhận được Dự án đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi heo hướng nạc của ông Đỗ Đình Soạn, hiện cư trú tại thôn Thọ Lộc Đông, xã Tịnh Hà.

Tổng diện tích xây dựng trang trại: 1.690 m², bao gồm 03 thửa (các thửa số 589, 590, 588 tờ bản đồ số 23, xã Tịnh Hà). Các thửa đất nói trên đã được Nhà nước cấp GCNQSDĐ số 05078/QSDĐ/287/QĐ-UB, ngày 24/8/1998, là loại đất màu, trong đó:

- + Diện tích xây dựng chuồng trại: 379 m²;
 - + Diện tích xây nhà bảo vệ kết hợp để nghỉ cho người lao động: 70 m²;
 - + Diện tích xây nhà kho và bể chứa thức ăn cho lợn: 50 m²;
 - + Diện tích trồng cây làm thức ăn cho lợn: 1.000 m²;
 - + Diện tích làm hành lang đi lại, xây hầm bioga: 191 m².
- Quy mô tổng đàn:
- + Đàn heo nái sinh sản: 14 con;
 - + Đàn heo nái hậu bị: 4 con;
 - + Đàn heo thịt: 252 con;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP ngày 02/02/2000 của Chính phủ về kinh tế trang trại; Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ NN&PTNT Quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại và Quyết định số 3749/QĐ-UBND, ngày 31/10/2013 của UBND huyện Sơn Tịnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020 và Biên bản họp Quân dân chính xã ngày 15/10/2013.

UBND xã Tịnh Hà kính đề nghị UBND huyện xem xét phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi heo hướng nạc của ông Đỗ Đình Soạn.

Kính đề nghị UBND huyện quan tâm.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH

Trần Hồng Long

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do Hạnh Phúc

TRÍCH BIÊN BẢN

**Họp Quân dân chính xã xét cho đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi
lợn hướng nạc.**

Hôm nay vào lúc 7 h ngày 15 tháng 10 năm 2013, tại UBND xã Tịnh Hà tiến hành họp Quân dân chính xã mở rộng để xét cho đầu tư xây dựng trang trại.

Thành phần tham dự gồm có:

- | | |
|--------------------------|---------------------------|
| 1. Ông Đỗ Mẹo | Bí thư Đảng Ủy. |
| 2. Ông Lê Hoàng Thu | Phó bí thư Đảng Ủy. |
| 3. Ông Thái Văn Hùng | Phó chủ tịch HĐND. |
| 4. Ông Nguyễn Tấn Thành | Chủ tịch UBMTTQVN xã. |
| 5. Ông Trần Hồng Long | Chủ tịch UBND xã. |
| 6. Ông Phạm Đình Can | Cán bộ địa chính. |
| 7. Ông. Nguyễn Thanh Hải | Trưởng công an xã. |
| 8. Ông Đỗ Hữu Dũng | Xã đội trưởng. |
| 9. Ông Nguyễn Thanh Hải | Văn phòng UBND. |
| 10. Ông Nguyễn Văn Chánh | Chủ tịch Hội nông dân xã. |
| 11. Bà Nguyễn Thị Trang | Chủ tịch Hội phụ nữ. |
| 12. Ông Văn Hồng Điệp | Chủ tịch Hội CCB. |
| 13 Ông Tạ Văn Việt | Bí thư đoàn xã. |

* Chủ trì hội nghị: Ông Trần Hồng Long - Chủ tịch UBND xã.

* Thư ký: Ông Nguyễn Thanh Hải - Văn phòng UBND.

Sau khi nghe ông Phạm Đình Can, cán bộ địa chính xã thông qua Tờ trình xin thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi lợn hướng nạc của ông Đỗ Đình Soạn, sinh ngày 02 tháng 04 năm 1954.

Quê quán: Xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi ở hiện nay: Xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

CMND số: 211084113 do Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 07/08/2007.

Tổng diện tích xây dựng trang trại: 1.690m², bao gồm 03 thửa (các thửa số 589, 590, 588, tờ bản đồ số 23 xã Tịnh Hà). Các thửa đất nói trên đã được nhà

nước cấp GCNQSDĐ số 05078/QSDĐ/287/QĐ-UB, ngày 24/8/1998 cho ông Đỗ Đình Soạn là loại đất màu.

- Địa điểm: Đội 9, thôn thọ Lộc Đông, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Thời gian thực hiện: 30 năm từ năm 2013 - 2043.

Cuộc họp nhận thấy Dự án đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi lợn hướng nạc của ông Đỗ Đình Soạn có tính khả thi cao.

Cuộc họp hoàn toàn thống nhất đề nghị UBND huyện phê duyệt. Dự án đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi lợn hướng nạc của ông Đỗ Đình Soạn.

Cuộc họp yêu cầu khi được phê duyệt dự án, chủ đầu tư phải sử dụng đất đúng mục đích.

Cuộc họp kết thúc lúc 10 giờ cùng ngày.

CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ



UBND XÃ TINH HÀ
CHỦ TỊCH

Trần Hùng Long

THƯ KÝ

Nguyễn Thanh Hải
Thanh

CÁC THÀNH VIÊN DỰ HỌP

Meo

Flu

Phan
Phan Đình An

Meo
Đỗ Hữu Dũng

goanh

Đức
Vân Hồng Diệp

gucan
Ca Văn Việt

hi ro ang chee

Uth
Nguyễn Thị Bích

Chauk
Nguyễn Văn Cảnh

Thu
Thái Văn Bý

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tĩnh Hà, ngày 01 tháng 10 năm 2013

TỜ TRÌNH

**Về việc xin thẩm định và phê duyệt
Dự án đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi heo hướng nạc**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân huyện Sơn Tịnh;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Sơn Tịnh;
- Ủy ban nhân dân xã Tĩnh Hà.

Tôi tên là: **ĐỖ ĐÌNH SOẠN**

Sinh ngày 02/4/1954

Quê quán: xã Tĩnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi ở hiện nay: xã Tĩnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

CMND số 211084113 do Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 07/8/2007

Căn cứ Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP ngày 02/02/2000 của Chính phủ về kinh tế trang trại;

Căn cứ Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ NN&PTNT Quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại;

Tôi tự nguyện xây dựng dự án đầu tư phát triển kinh tế trang trại với các nội dung sau:

***Tên dự án:** Dự án đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi heo hướng nạc

***Địa điểm:** đội 9, thôn Thọ Lộc Đông, xã Tĩnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

***Chủ đầu tư:** Đỗ Đình Soạn

***Quy mô dự án:**

- Quy mô về diện tích: Tổng diện tích xây dựng trang trại: 1.690 m², trong đó:

- + Diện tích xây dựng chuồng trại: 379 m²
- + Diện tích xây nhà bảo vệ kết hợp để nghỉ cho người lao động: 70 m²
- + Diện tích xây nhà kho và bể chứa thức ăn cho lợn: 50 m²;
- + Diện tích trồng cây làm thức ăn cho lợn: 1.000 m²;
- + Diện tích làm hành lang đi lại, xây hầm bioga: 191 m²;

- Quy mô tổng đàn:

- + Đàn heo nái sinh sản: 14 con;

DỰ ÁN

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN HƯỚNG NẠC

Chủ trang trại: Đỗ Đình Soạn

Địa điểm: Thọ Lộc Đông, Tỉnh Hà, Sơn Tĩnh, Quảng Ngãi

MỞ ĐẦU:

Kinh tế trang trại là hình thức tổ chức sản xuất hàng hoá trong nông nghiệp, nông thôn; chủ yếu mở rộng quy mô, năng lực sản xuất của hộ gia đình và nâng cao hiệu quả kinh tế trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản, trồng rừng...

Trong tỉnh cũng như huyện ta, kết quả của quá trình hình thành và phát triển trang trại trong thời gian qua đã góp phần tích cực vào việc thúc đẩy phát triển sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp, và đã làm thay đổi bộ mặt KT-XH ở nhiều nơi, làm cho nền nông nghiệp trở nên năng động hơn, mang lại nhiều sức sống mới. Trang trại góp phần nâng cao thu nhập của những gia đình nông dân mạnh dạn chuyển từ sản xuất nông nghiệp có quy mô nhỏ sang sản xuất trang trại; cải thiện và nâng cao mức sống cho nhiều gia đình, góp phần thực hiện thành công chương trình xoá đói, giảm nghèo.

Kinh tế trang trại phát triển còn nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả đất đai, vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững, tạo việc làm, tăng thu nhập, khuyến khích làm giàu đi đôi với xoá đói giảm nghèo, phân bổ dân cư nông thôn mới.

Trên địa bàn xã Tịnh Hà nói riêng có điều kiện thuận lợi về đất đai, tính đa dạng về địa hình để phát triển kinh tế trang trại. Trong những năm gần đây, mô hình phát triển chăn nuôi gia súc kết hợp trồng rừng, trồng cây công nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản đã mang lại hiệu quả kinh tế tương đối cao, góp phần tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo cho nhiều hộ nông dân.

Vì vậy, việc lập dự án này là hết sức cần thiết nhằm tạo công ăn việc làm cho lực lượng lao động nhàn rỗi ở địa phương, khai thác tốt tiềm năng sẵn có và tạo ra một vùng sản xuất nông sản hàng hoá và phục vụ cho tiêu dùng và công nghiệp chế biến.

Do vậy, việc đầu tư phát triển trang trại chăn nuôi lợn hướng nạc vừa bảo đảm phù hợp với chủ trương chung của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn, vừa có tính thực tế khả thi, mang lại hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập cho nông dân trong vùng.

Phần một:

GIỚI THIỆU ĐỊA ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

I/ Tên Dự án, chủ đầu tư, địa điểm thực hiện:

1/ *Tên Dự án:* Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi lợn hướng nạc.

2/ *Chủ đầu tư:* **Đỗ Đình Soạn**

Sinh ngày 02/4/1954.

CMND số 211084113 do Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 07/8/2007.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

3/ *Địa điểm thực hiện:* Đội 9, thôn Thọ Lộc Đông, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

II/ Mô tả sơ bộ về địa điểm thực hiện:

Trang trại được xây dựng tại khu vực Đội 9, thôn Thọ Lộc Đông, xã Tịnh Hà với quy mô diện tích 1.690 m², bao gồm 03 thửa (các thửa số 589, 590, 588 tờ bản đồ số 23, xã Tịnh Hà). Các thửa đất nội trên đã được Nhà nước cấp GCNQSDĐ số 05078/QSĐĐ/287/QĐ-UB, ngày 24/8/1998, là loại đất màu.

Vùng dự án có vị trí gần đường giao thông, thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hoá và các loại vật tư phục vụ sản xuất.

III/ Giới thiệu mục tiêu đầu tư của dự án:

Mục tiêu của Dự án là tạo mô hình chăn nuôi có hiệu quả kinh tế, thúc đẩy phát triển chăn nuôi ở địa phương, tạo điều kiện cho việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, giải quyết việc làm cho lao động ở nông thôn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Phần hai:

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ SẢN PHẨM THỊT LỢN

Trên thế giới, chăn nuôi lợn là ngành chăn nuôi lớn, thịt lợn chiếm 40% tổng lượng các loại thịt (thịt bò 31%, gia cầm 23%,...). Ở nước ta, chăn nuôi lợn là nghề truyền thống của hàng triệu hộ nông dân, thịt lợn chiếm 70% tổng lượng các loại thịt tiêu thụ trên thị trường.

Ở huyện Sơn Tịnh, đàn lợn trong những năm gần đây liên tục tăng. Năm 2000 toàn huyện có 67.797 con, đến năm 2010 tổng đàn lợn là 93.150 con, trong đó có 16.627 lợn nái. Chăn nuôi lợn không chỉ đáp ứng nhu cầu thịt cho địa phương mà còn cung cấp cho các thị trường trong nước (chủ yếu là các tỉnh phía nam), lợn choai cho nhu cầu vỗ béo và đặc biệt là lợn sữa cho xuất khẩu.

Trong tương lai, với quá trình đô thị hóa, nhất là việc hình thành Khu kinh tế Dung Quất, Khu phức hợp công nghiệp - đô thị dịch vụ VISIP và thành phố Vạn Tường, thị trường tiêu thụ thịt lợn, đặc biệt là thịt lợn chất lượng cao sẽ ngày càng tăng.

Nhìn chung, thị trường tiêu thụ thịt lợn khá thuận lợi. Tuy nhiên, do nhu cầu tiêu thụ thịt lợn sạch, tỷ lệ nạc cao ngày càng nhiều, trong bối cảnh đất nước đã gia nhập WTO nên tính cạnh tranh về chất lượng và giá cả trong chăn nuôi lợn ngày càng gay gắt. Do vậy, để nâng cao sức cạnh tranh cần phải chuyển phương thức chăn nuôi truyền thống chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và nguồn phụ phẩm nông nghiệp là chính sang chăn nuôi lợn theo phương thức công nghiệp quy mô trang trại, áp dụng các tiến bộ KHKT vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hạ giá thành sản phẩm là yêu cầu có tính tất yếu.

Phần thứ ba:

NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ KỸ THUẬT-CÔNG NGHỆ TRÊN VÙNG DỰ ÁN

I/ GIỐNG LỢN:

Ngày nay, các giống lợn Yorkshire, Duroc, Landrace có ngoại hình đẹp: móng nở, vai lưng rộng, có tỷ lệ nạc cao, đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng. Thực hiện chương trình cải tạo đàn lợn theo hướng nạc, các giống lợn trên đã được đưa vào sản xuất và cho kết quả tốt.

Một số đặc điểm về sinh trưởng phát triển của các giống lợn trên như sau:

a/ Giống Yorkshire:

Đây là giống được lai giữa giống lợn Châu Âu và lợn Châu Á và được chọn lọc nhân giống tại vùng Yorkshire nước Anh. Giống lợn này có khả năng thích nghi cao trong những điều kiện khí hậu và nuôi dưỡng khác nhau nên được phổ biến rộng rãi như một giống lợn nền ở nhiều nước. Yorkshire là giống lợn có thân hình chữ nhật, lông da trắng tuyền; có nhóm tai to đứng thẳng, có nhóm tai hơi nghiêng về phía trước. Mõm dài vừa phải, trán rộng, mắt lanh lợi, 4 chân khỏe và vững vàng, thể chất vững chắc, lưng thẳng hoặc hơi cong, bộ phận sinh dục được lộ rõ, mắn đẻ, đẻ nhiều, nuôi con khéo, có chất lượng thịt tốt.

Lợn Yorkshire ở 6 tháng tuổi thường đạt trọng lượng 90-100 kg, khi trưởng thành nọc nái có thể đạt trọng lượng 250-300 kg.

Lợn nái có thể đẻ từ 1,8-2 lứa mỗi năm, mỗi lứa trung bình 8-9 con, trọng lượng sơ sinh của lợn con đạt từ 1-1,8 kg

Lợn Yorkshire nuôi ở Việt Nam đã nhiều năm, được các trại giống chọn lọc, năng suất thịt cao, tiêu tốn ít thức ăn.

b/ Giống Landrace:

Là giống lợn có xuất xứ từ Đan Mạch, có tầm vóc hình tên lửa, lông da trắng tuyền, 2 tai to ngả về phía trước che cả mắt, mõm dài, đầu nhỏ, 4 chân thẳng, móng nở, dễ sai, thích nghi kém hơn lợn Yorkshire trong điều kiện nóng ẩm; tăng trọng nhanh, nhiều nạc. Ở 6 tháng tuổi, lợn Landrace có thể trọng từ 80-90 kg, nọc nái trưởng thành có trọng lượng từ 200-250 kg. Lợn nái mỗi năm đẻ từ 1,8-2,2 lứa, mỗi lứa từ 8-10 con, tốt sữa, nuôi con giỏi, tỷ lệ nuôi sống cao.

Vì có khả năng cho nhiều nạc nên nhu cầu dinh dưỡng cho lợn Landrace rất cao, thức ăn hàng ngày phải đảm bảo cung cấp Prôtein cả về lượng và chủng loại axit amin thiết yếu; nhu cầu các chất dưỡng chất khác cũng cao hơn các giống lợn ngoại nhập khác. Nếu không được cung cấp đầy đủ hoặc cân đối các dưỡng chất nói trên, lợn Landrace tăng trưởng chậm, giảm sút năng suất cho thịt, sinh sản kém, dễ bị mầm bệnh tấn công.

II/ THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ:

Hiện nay, nhiều trang trại chăn nuôi lợn ở tỉnh ta chăn nuôi theo công nghệ Châu Âu, nghĩa là mỗi loại lợn được nuôi ở một ô chuồng, tùy theo quy mô và điều kiện kinh tế, đất đai mà có thể làm mô hình mỗi chuồng là một trại hoặc mô hình một trại có nhiều chuồng.

1- Mô hình mỗi chuồng là một trại:

Mô hình này mỗi trại là một khu nhiều ô chuồng của từng loại lợn: khu trại nái mang thai và chờ phối; khu trại nái đẻ và nuôi con; khu trại úm lợn con sau cai sữa; khu trại nuôi lợn thịt và hậu bị. Ưu điểm của mô hình này là ít tốn diện tích, dễ chăm sóc, nâng cao tỷ lệ đậu thai, tỷ lệ sống, hạn chế lây lan dịch bệnh. Tuy nhiên mô hình này có nhược điểm là vốn đầu tư cao.

2- Mô hình một trại có nhiều loại chuồng:

Mô hình này trong một trại có các loại chuồng khác nhau cho từng loại lợn. Chuồng lợn nái chờ phối giống đến nuôi con; chuồng úm lợn con; chuồng lợn hậu bị và chuồng nuôi lợn thịt.... Mỗi chuồng có khoảng trống cách nhau trong một trại, thường khoản ngăn cách giữa các chuồng là 0,8-1 m. Ưu điểm của mô hình này là ít tốn diện tích, dễ chăm sóc, nâng cao tỷ lệ đậu thai và tỷ lệ sống, dễ quản lý hơn so với các mô hình chuồng nuôi truyền thống, ít tốn vốn đầu tư xây dựng ban đầu hơn so với mô hình mỗi chuồng là một trại. Nhược điểm của mô hình này là dễ lây lan dịch bệnh giữa các loại lợn. Tuy nhiên, nếu làm tốt công tác vệ sinh chuồng trại và các biện pháp phòng trừ dịch bệnh thì đây là mô hình có hiệu quả nhất.

Đây là mô hình được chọn để xây dựng dự án.

Phần thứ tư:

QUY MÔ VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT CỦA DỰ ÁN

I/ Quy mô dự án:

1- Căn cứ xác định quy mô: Quy mô của Dự án được xác định dựa trên các căn cứ sau đây:

- Quy mô diện tích đất trên vùng dự án;
- Các định mức kinh tế-kỹ thuật có liên quan đến các loại vật nuôi dự kiến đưa vào sản xuất ở vùng dự án;

- Thông tư số 27 /2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ NN&PTNT Quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại.

Trang trại dự kiến tổ chức nuôi 14 lợn nái sinh sản. Toàn bộ số lợn con sinh ra được nuôi thành lợn thịt.

Các định mức kinh tế kỹ thuật chăn nuôi lợn:

Trong số 14 lợn nái sinh sản dự kiến ổn định quy mô đàn có 3 nhóm tuổi (mỗi năm sẽ thay đàn 30%), trong đó, nhóm nái năm tuổi thứ 3 là nái già, năng suất thấp, trung bình mỗi năm chỉ cho 1,5 lứa đẻ.

- Số lứa đẻ của nhóm nái năm tuổi thứ 3:

$$14 \text{ con} \times 30\% \times 1,5 \text{ lứa đẻ} = 6 \text{ lứa đẻ/năm}$$

- Nhóm nái sinh sản năm tuổi thứ nhất và thứ hai là:

$$14 \text{ con} \times 70\% \times 2 \text{ lứa đẻ} = 20 \text{ lứa đẻ/năm}$$

- Nái hậu bị: để thay 30% tổng đàn, tức 4 con hàng năm. Số nái này bình quân mỗi năm cho một lứa đẻ. 4 nái hậu bị cho 4 lứa đẻ.

Tổng số lứa đẻ trong năm: là 30 lứa (nái già: 6 lứa; nái tuổi 1 và tuổi 2: 20 lứa; nái hậu bị 4 lứa)

Số lợn con sơ sinh (tính bình quân 10 con/lứa)

$$30 \text{ lứa} \times 10 = 300 \text{ con}$$

Số lợn con sau cai sữa: Tỷ lệ hao hụt đến khi cai sữa là 10%. Số lợn con sau cai sữa hàng năm là: $300 \text{ con} - (300 \times 10\%) = 270 \text{ con}$

Số lợn thịt: Tỷ lệ hao hụt từ lợn cai sữa đến xuất chuồng (thời gian nuôi thịt 115 ngày) là 5%. Số lợn thịt xuất chuồng được xác định:

$$270 - (270 \times 5\%) - 4 \text{ nái hậu bị} = 252 \text{ con}$$

Chi phí thức ăn được tính như sau:

- Chi phí thức ăn cho 1 lợn nái sinh sản:

$$3 \text{ kg TĂHH} \times 365 \text{ ngày} \times 10.000 \text{ đ/kg} = 10.950.000 \text{ đồng}$$

- Chi phí thức ăn cho 1 lợn nái hậu bị:

$$2,2 \text{ kg TĂHH} \times 183 \text{ ngày} \times 10.000 \text{ đ/kg} = 4.026.000 \text{ đồng}$$

- Chi phí thức ăn cho 1 lợn con theo mẹ:
 $0,4 \text{ kg T\ddot{A}HH} \times 30 \text{ ngày} \times 19.000 \text{ đ/kg} = 228.000 \text{ đồng}$
- Chi phí thức ăn cho 1 lợn con cai sữa:
 $0,8 \text{ kg T\ddot{A}HH} \times 30 \text{ ngày} \times 19.000 \text{ đ/kg} = 456.000 \text{ đồng}$
- Chi phí thức ăn cho 1 lợn thịt (từ 25-90kg):
 $2,5 \text{ kg T\ddot{A}HH/kg tăng trọng} \times 65 \text{ kg} \times 10.000 \text{ đ} = 1.625.000 \text{ đồng}$

2-Quy mô sản xuất:

- *Quy mô về diện tích:* Tổng diện tích xây dựng trang trại: 1.690 m^2 , trong đó:
 - + Diện tích xây dựng chuồng trại: 379 m^2 ;
 - + Diện tích xây nhà bảo vệ kết hợp để nghỉ cho người lao động: 70 m^2 ;
 - + Diện tích xây nhà kho và bể chứa thức ăn cho lợn: 50 m^2 ;
 - + Diện tích trồng cây làm thức ăn cho lợn: 1.000 m^2 ;
 - + Diện tích làm hành lang đi lại, xây hầm bioga: 191 m^2 ;
- *Quy mô tổng đàn:*
 - + Đàn lợn nái sinh sản: 14 con;
 - + Đàn lợn nái hậu bị: 4 con;
 - + Đàn lợn thịt: 252 con;

II/ Kế hoạch sản xuất và đầu tư của trang trại:

1- Kế hoạch sản xuất: Kế hoạch chăn nuôi lợn:

Đàn lợn hàng năm được ổn định theo cơ cấu đàn được xác định như sau:

- Lợn nái sinh sản: 14 con;
- Lợn nái hậu bị: 4 con;
- Lợn con theo mẹ: 300 con;
- Lợn con sau cai sữa: 270 con;
- Lợn thịt xuất chuồng: 252 con;

2/ Kế hoạch đầu tư dự án:

2.1/ Kế hoạch xây dựng cơ bản:

2.1.1/ Chi phí xây lắp: 327.945.000 đồng, gồm:

- Chuồng trại: xây dựng 2 dãy:
 Quy cách $(8,2 \text{ m} \times 23,1 \text{ m}) \times 2 = 378,84 \text{ m}^2$ (379 m^2) cột bê tông cốt thép, nền móng bê tông dày 7 cm, tường xây gạch, xà gồ gỗ, mái lợp tôn Fibro xi măng.
 Chi phí: $379 \text{ m}^2 \times 544.680 \text{ đ/m}^2 = 206.345.000 \text{ đồng}$
- Tường rào cổng ngõ: Tổng chiều dài xây dựng: 208 m
 Quy cách: trụ bê tông cốt thép, lưới B40, cao 1,2 m, chân xây gạch 0,2 m.
 Chi phí: $280 \text{ m} \times 45.000 \text{ đ/m}^2 = 12.600.000 \text{ đồng}$
- Xây dựng hệ thống cấp nước bằng nhựa PVC: 3.000.000 đồng;
- Xây dựng hầm Bioga (theo Tiêu chuẩn ngành 10TCN 492:499-2003) $12,4 \text{ m}^3$ xử lý nước thải: 10.000.000 đồng;

- Xây nhà bảo vệ kết hợp để nghỉ cho người lao động, nhà cấp 4C:
 $70 \text{ m}^2 \times 800.000 \text{ đ/m}^2 = 56.000.000 \text{ đồng}$
- Xây nhà kho và bể chứa thức ăn cho lợn, nhà cấp 4C:
 $50 \text{ m}^2 \times 800.000 \text{ đ/m}^2 = 40.000.000 \text{ đồng}$

2.1.2/ Chi phí thiết bị: **45.500.000 đồng, gồm:**

- Chuồng lợn nái mang thai: 14 bộ $\times$ 650.000 đ/bộ = 9.100.000 đồng;
- Chuồng nái đẻ: 5 bộ $\times$ 3.800.000 đ/bộ = 19.000.000 đồng;
- Lồng úm lợn con sau cai sữa: 4 bộ $\times$ 3.600.000 đ/bộ = 14.400.000 đồng;
- Quạt phun sương làm mát chuồng: 6 cái $\times$ 500.000 đ/cái = 3.000.000 đồng

2.1.3/ Chi phí con giống: **81.200.000 đồng**

Lợn nái giống: 14 con $\times$ 5.800.000 đ/con = 81.200.000 đồng

Tổng kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản: 454.645.000 đồng

2.2/ Kế hoạch khấu hao cơ bản:

- + Tổng giá trị khấu hao 454.645.000 đồng.
- + Thời gian khấu hao: 8 năm
- + Chi phí khấu hao hàng năm: 56.830.000 đồng

III/ Kế hoạch xử lý ảnh hưởng môi trường:

Khi dự án đi vào hoạt động, các nguồn phát sinh chất thải có khả năng gây ô nhiễm môi trường gồm:

- Chất thải rắn như: phân, thức ăn thừa, chất thải rắn sinh hoạt...;
- Nước thải như: nước thải của gia súc, nước thải sinh hoạt;
- Mùi hôi phát sinh ra từ hệ thống chuồng trại như: phân, thức ăn, từ hoạt động vệ sinh gia súc.

Biện pháp giảm thiểu:

1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí:

* Giảm thiểu ô nhiễm khí thải:

+ Để xử lý môi trường trong quá trình sản xuất trang trại sẽ xây dựng 1 hầm bioga với dung tích khoảng 12,4 m³. Hàng ngày theo định kỳ (2lần/ngày) sẽ thu gom phân đưa về hầm bioga và tiến hành làm vệ sinh chuồng trại. Biện pháp này vừa giảm được mùi hôi vừa tạo ra chất đốt sạch dùng cho sinh hoạt và sản xuất.

+ Sử dụng chế phẩm EM vào việc khử mùi hôi tại đường mương dẫn nước thải và tại hệ thống xử lý nước thải với tần suất và liều lượng là 3 lít Emuniv/1 lần phun.

+ Lắp đặt hệ thống làm mát nhằm tạo môi trường thông thoáng giúp cho quá trình trao đổi oxy giữa bên trong chuồng trại và môi trường bên ngoài được diễn ra cân bằng để hạn chế mùi hôi sinh ra đến mức thấp.

2. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải:

* Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể xử lý bể tự hoại 3 ngăn.

** Nước thải chăn nuôi:*

Được xử lý bằng hệ thống Biogas có dung tích 12,4 m³. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn cho phép về môi trường.

** Nước mưa chảy tràn:*

Xây dựng hệ thống mương thoát dẫn nước mưa riêng đảm bảo không cho nước mưa chảy tràn trên toàn bộ diện tích bề mặt khu vực chăn nuôi, lượng nước mưa này thoát ra hệ thống thoát nước chung quanh.

3. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn:

** Chất thải rắn sinh hoạt:*

Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy kín và chủ trang trại sẽ ký hợp đồng với đội vệ sinh môi trường thu gom và xử lý.

Chất thải rắn có thể tái chế được như bao bì nhựa, giấy carton sẽ được thu gom riêng và bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

** Bao bì thức ăn của gia súc:*

Đối với bao bì thức ăn của gia súc sẽ tiến hành thu gom và bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu.

** Phân thải ra từ gia súc:*

- Tiến hành thu gom thủ công hằng ngày rồi đưa vào hầm hầm bioga.
- Sử dụng chế phẩm sinh học xử lý mùi hôi khắc phục việc phát tán mùi nhằm phòng tránh trường hợp mùi hôi phát ra gây dẫn dụ các côn trùng như ruồi, muỗi, bọ... tìm đến và tự phát sinh gây ô nhiễm môi trường và mang mầm bệnh truyền cho người và động vật.

4. Biện pháp tạo cảnh quang môi trường:

Để tạo cảnh quang môi trường tốt phục vụ chăn nuôi, chủ trang trại sẽ thực hiện trồng cây xung quanh trang trại.

Mặt khác, trang trại sẽ xin lập thủ tục cam kết bảo vệ môi trường với cơ quan chức năng của huyện và sẽ thực hiện nghiêm túc quy trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Phần thứ năm:**PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH VÀ HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN****I/ Vốn đầu tư:****1. Tổng vốn đầu tư: 1.329.071.000 đồng, trong đó:**

- Vốn cố định: 454.645.000 đồng;
- Vốn lưu động hàng năm: 874.426.000 đồng, gồm:

TT	LOẠI CHI PHÍ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
					770.426.000
1	Chi phí thức ăn				153.300.000
	Lợn nái sinh sản	Con	14	10.950.000	153.300.000
	Lợn nái hậu bị	Con	4	4.026.600	16.106.000
	Lợn con theo mẹ	Con	300	228.000	68.400.000
	Lợn con sau cai sữa	Con	270	456.000	123.120.000
	Lợn thịt	Con	252	1.625.000	409.500.000
2	Công lao động	Công	700	120.000	84.000.000
3	Chi phí khác				20.000.000
	Tổng cộng				874.426.000

(Chi khác bao gồm: chi phí thuốc thú y, dụng cụ vật rẻ tiền mau hỏng, điện, nước, ...).

2/ Nguồn vốn đầu tư:

Nguồn vốn đầu tư dự án gồm vốn tự có của chủ trang trại và vốn vay của các tổ chức tín dụng, ngân hàng. Cụ thể như sau:

- Vốn tự có: 829.078.000 đồng
- Vốn vay: 500.000.000 đồng

Kế hoạch vay vốn và hoàn trả vốn vay:

ĐVT: Triệu đồng

Loại tài sản	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1/ Dư nợ đầu kỳ	0	500	500	500	300
2/ Vay trong kỳ	500				
- Vay vốn cố định					
- Vay vốn lưu động	500				
3/ Lãi phát sinh	60	60	60	60	36
4/ Trả nợ trong kỳ	60	60	60	260	336
- Nợ gốc				200	300
- Nợ lãi	60	60	60	60	36
5/ Dư nợ cuối kỳ	500	500	500	300	0

Ghi chú: Lãi vay ngân hàng 12 %/năm.

Tổng lãi vay: 276.000.000 đồng. Trả lãi vay hàng năm: 55.200.000 đồng.

II/ Hiệu quả của dự án:

1/Doanh thu hàng năm:

TT	LOẠI DOANH THU	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
1	Lợn nái già loại thải (200 kg/con x 16.000đ/kg)	Con	3	3.200.000	9.600.000
2	Lợn nái hậu bị loại thải (100 kg/con)	Con	1	4.000.000	4.000.000
3	Lợn thịt: (90kg/con x 50.000đ/kg=4.500.000 đ	Con	252	4.500.000	1.134.000.000
	Tổng cộng				1.147.600.000

(Doanh thu chưa tính thu từ phân chuồng)

III/ Hiệu quả của Dự án:

1. Hiệu quả kinh tế:

- Lợi nhuận bình quân hàng năm = Doanh thu - chi phí sản xuất - khấu hao - lãi vay: $1.147.600.000 - 874.426.000 - 56.830.000 - 55.200.000 = 161.144.000$ đ
- Tỷ suất lợi nhuận giản đơn = Lợi nhuận bình quân năm/tổng vốn đầu tư
 $= 161.144.000 / 1.329.071.000 = 12,1\%$

2. Hiệu quả xã hội:

Ngoài hiệu quả kinh tế, dự án còn mang lại các hiệu quả xã hội như sau:

- Khai thác sử dụng quỹ đất có hiệu quả, tạo thêm nông sản hàng hoá cho xã hội;
- Tạo mô hình chăn nuôi có hiệu quả kinh tế, tạo điều kiện cho việc nhân rộng mô hình, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên vùng dự án;
- Thúc đẩy phát triển chăn nuôi trên vùng dự án, tạo điều kiện cho việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn ở vùng dự án;
- Giải quyết việc làm cho lao động trong vùng dự án với số lao động thu hút khoảng 4 lao động thường xuyên và một số lao động thời vụ.

Phần thứ sáu:

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Dự án đầu tư xây dựng và phát triển trang trại phù hợp với Nghị quyết Trung ương 7, khoá X về nông nghiệp, nông thôn, nông dân, phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn; các điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như của huyện Sơn Tịnh và xã Tịnh Hà; mang lại nhiều lợi ích cả về kinh tế, chính trị và xã hội.

Kính đề nghị UBND xã Tịnh Hà và các ngành chức năng của huyện:

- Xem xét phê duyệt dự án và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chí kinh tế trang trại nhằm tạo điều kiện cho chủ trang trại sớm đưa vào thực hiện và tranh thủ được các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại đã được Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương cũng như của UBND tỉnh đã ban hành.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho trang trại có điều kiện phát triển./.

**XÁC NHẬN
CỦA UBND XÃ TỊNH HÀ**

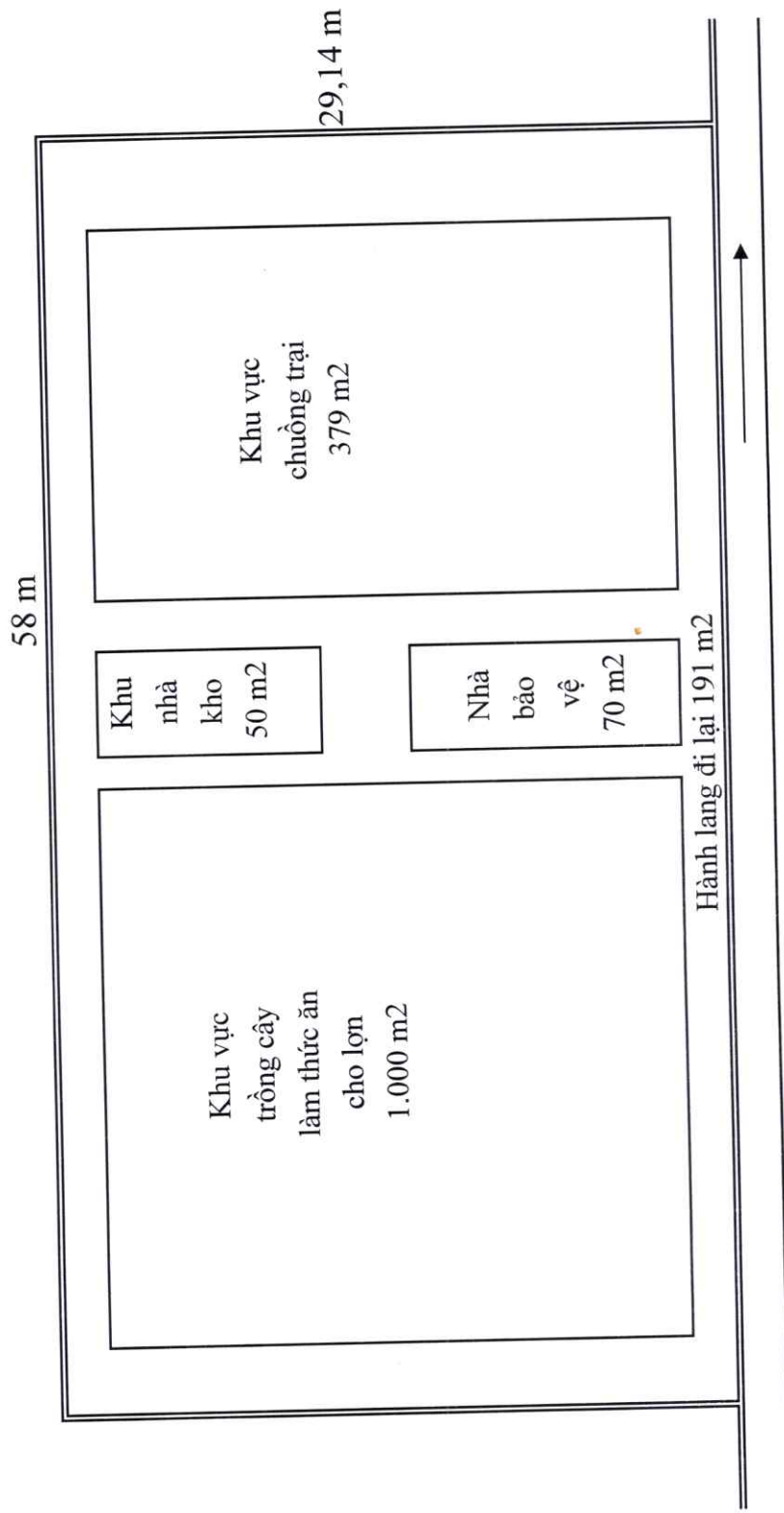

Trần Hồng Long

CHỦ TRANG TRẠI

Đỗ Đình Soạn

Đỗ Đình Soạn

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ CÁC KHU VỰC SẢN XUẤT
Của trang trại Đỗ Đình Soạn
(Nhu cầu sử dụng đất)



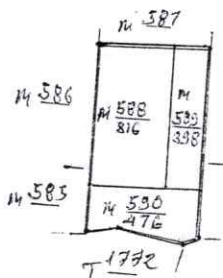
TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH KHU ĐẤT

Vị trí xin thỏa thuận địa điểm

Dự án: Đầu tư xây dựng trạm hai cấp nước Kèo

Điểm xây dựng Thị trấn Cẩm Hà

Thuộc các thửa đất số:
tờ bản đồ địa chính số 23, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi



Vị trí thỏa thuận địa điểm.

Diện tích 1690 m²

Ngày tháng năm 2011
Người can vẽ

[Handwritten signature]
Nguyễn Đình...

Ngày tháng năm 2011
TM. UBND XÃ TỊNH HÀ

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

[Handwritten signature]
Nguyễn Thanh Dinh

Ngày tháng năm 2011
PHÒNG TN - MT HUYỆN

